TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 173/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Điền

2. Ông Trương Thành

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Anh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018, về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Đường số A, ấp T, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Đ, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 27/5/2018 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hồ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị H và anh Trần Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/7/2002 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nên thường xuyên cải vả, xúc phạm nhau, anh Đ nhiều lần đánh đập chị H. Mâu thuẫn vợ chồng diễn ra nhiều năm nhưng vẫn không khắc phục được. Từ tháng 8/2016 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, không liên lạc, quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh Trần Đ.

Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng có 02 người con chung là Trần Văn Q, sinh ngày 18/9/2003; Trần Thị Mỹ U, sinh ngày 26/11/2007, hiện cả 2 cháu đang sống với chị H. Chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 người con chung, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/1 con (2.000.000đ/2 con) kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Trần Đ nhưng trong thời hạn luật định anh Đ không có bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã nhiều lần thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ đều vắng mặt.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình anh Trần Đ cho biết anh Đ đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt cho anh Đ gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 1249/TB-TLVA ngày 19/6/2018, các thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 1358/2018/TB-TA ngày 06/7/2018, số 1426/2018/TB-TA ngày 12/7/2018. Do anh Đ bận công việc làm ăn nên không đến Tòa án được. Bà Trần Thị T (mẹ của anh Đ) đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh Đ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 22/8/2018, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh Đ vắng mặt lần thứ nhất, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, đồng thời tống đạt quyết định hoãn phiên tòa, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa, giấy triệu tập cho anh Đ nhưng anh Đ tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng, cố tình cản trở, vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị H về việc xin ly hôn anh Trần Đ; giao cháu Trần Văn Q, Trần Thị Mỹ U cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; buộc anh Trần Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/1con (2.000.000đ/2con) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh Trần Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên toà, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo quy định tại Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc Tòa án tiến hành tống đạt văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập bị đơn anh Trần Đ là hợp lệ nhưng anh Đ cố tình cản trở tố tụng, vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Nguyên đơn chị Hồ Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị H và anh Trần Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/7/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Vinh Hải, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh Đ là hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không hợp, thường xuyên cải vả, xúc phạm nhau, anh Đ nhiều lần đánh đập chị H. Mâu thuẫn vợ chồng diễn ra nhiều năm không khắc phục được. Từ tháng 8/2016 cho đến nay, chị H, anh Đ sống ly thân. Chị H không còn tình cảm thương yêu anh Đ, anh Đ không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Xét yêu cầu của chị Hồ Thị H về việc nuôi con thấy rằng: Trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị H nuôi cháu Trần Văn Q, Trần Thị Mỹ U. Mặc khác cháu Q và cháu U đều có nguyện vọng được ở với mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H về việc nuôi con sau khi ly hôn.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thấy rằng: Theo Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H là hoàn toàn chính đáng, phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận, buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/1con (2.000.000đ/2con) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh Trần Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hồ Thị H. Chị Hồ Thị H được ly hôn anh Trần Đ.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Trần Văn Q, sinh ngày 18/9/2003; Trần Thị Mỹ U, sinh ngày 26/11/2007 cho chị Hồ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Buộc anh Trần Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ/1con (2.000.000đ/2con) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Anh Trần Đ có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và chị Hồ Thị H có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Trần Đ không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Hồ Thị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 006314 ngày 19/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị Hiền đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Đ phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND xã V, huyện Phú Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Sang